

Quốc triều hình luật - đỉnh cao của pháp điển hóa ở Việt Nam thời kì trung đại

Phạm Thị Thu Hiền*

Nhận ngày 11 tháng 4 năm 2024. Chấp nhận đăng ngày 11 tháng 8 năm 2024.

Tóm tắt: *Quốc triều hình luật* (QTHL) thời Hậu Lê là bộ luật quan trọng, không chỉ có ý nghĩa nhân văn sâu sắc mà còn là cơ sở xây dựng nên nhà nước, pháp luật phong kiến thời Lê. Bộ luật được đánh giá là công trình đỉnh cao về pháp điển hoá trong lịch sử pháp điển hoá ở Việt Nam thời trung đại. Điều này được thể hiện không chỉ qua kỹ thuật lập pháp, kết cấu điều khoản mà còn trong nội dung điều khoản có tính thời đại, truyền thống và phù hợp điều kiện chính trị, kinh tế - xã hội thời đó. Có thể tìm thấy ở bộ luật này rất nhiều những giá trị cần kế thừa. Bài viết tập trung phân tích nội dung, kỹ thuật pháp điển hoá của bộ luật để từ đó nhận định đánh giá và rút ra một số giá trị đối với hoạt động lập pháp ở Việt Nam hiện nay.

Từ khoá: Quốc triều hình luật, pháp điển hoá, Việt Nam, Hậu Lê.

Phân loại ngành: Luật học

Abstract: The *Quốc triều hình luật* (lit. The Criminal Code of the Royal Court) of the Later Lê dynasty was an important code, which not only bears profound humanistic meaning, but also served as the basis for building the feudal state and law of the Lê dynasty period. The code is considered a pinnacle in the history of codification in the medieval era of Vietnam. That is demonstrated not only through the legislative techniques and the clause structure but also in the content of the clauses which were of the contemporary and traditional characteristics and suitable to the political and socio-economic conditions of the times. Many values which are worth to be inherited can be found in the code. The article focuses on analyzing the content and techniques of codification of the law so as to evaluate and draw some values for law-making activities in Vietnam today.

Keywords: *Quốc triều hình luật*, codification, Vietnam, the Later Lê Dynasty.

Subject classifications: Jurisprudence

1. Mở đầu

Quốc triều hình luật là thành tựu lập pháp có giá trị đặc biệt trong lịch sử pháp luật Việt Nam. Bộ luật này được hoàn thiện vào năm 1483, dưới thời cai trị của vua Lê Thánh Tông với niên hiệu Hồng Đức nên còn có tên gọi *Bộ luật Hồng Đức*. Từ yêu cầu tất yếu của nhà nước tập quyền chuyên chế, sự ảnh hưởng của Nho giáo và Pháp trị, sự cần thiết phải có pháp luật để duy trì trật tự xã hội đã ảnh hưởng lớn quan điểm cai trị và nhận thức của các vị vua về vai trò của pháp luật. Với quan điểm coi trọng pháp luật, theo như các nhà nghiên cứu Nguyễn Ngọc Huy, Yamamoto Tatsuro và Insun Yu và ghi chép của chính sử, có thể khẳng định QTHL đã được khởi thảo từ thời Lê Thái Tổ, được bổ sung thêm các điều khoản ở đời Lê Thái Tông, Lê Nhân Tông và được hoàn thiện vào niên hiệu Hồng Đức thời vua Lê Thánh Tông (Lê Thị Sơn, 2013).

Bộ luật bao gồm 722 điều, 12 chương, 6 quyển. Cũng như các bộ luật cùng thời kì, đây là bộ luật tổng hợp điều chỉnh các mối quan hệ trong xã hội, các lĩnh vực hình sự, dân sự, tổ tụng, hành chính. Cụ thể:

* Trường Đại học Luật Hà Nội.
Email: hienptt.dhl@gmail.com

Quyển 1: Chương Danh lệ: 49 điều; Chương Cấm vệ: 47 điều.
Quyển 2: Chương Vi chế: 144 điều; Chương Quân chính: 43 điều.
Quyển 3: Chương Hộ hôn: 58 điều; Chương Điền sản 32 điều và 14 điều bổ sung;
Chương Thông gian: 10 điều.
Quyển 4: Chương Đạo tặc: 54 điều; Chương Đấu tụng: 50 điều.
Quyển 5: Chương Trá ngục: 38 điều; Chương Tạt luật: 92 điều.
Quyển 6: Chương Bộ vong: 12 điều; Chương Đoán ngục: 65 điều.

Mặc dù chịu ảnh hưởng của pháp luật phong kiến Trung Quốc nhưng bộ luật vẫn mang đậm bản sắc văn hóa Việt Nam, được giới nghiên cứu đánh giá cao không chỉ trong nước mà còn trên thế giới. Trong lịch sử pháp luật Việt Nam, QTHL là một thành tựu pháp luật có giá trị, và trở thành bộ luật chính thống được thực hiện xuyên suốt trong quá trình tồn tại và phát triển của nhà Lê. Khi nhắc đến giá trị của bộ luật, có nhiều nhận định như bộ luật “không chỉ là đỉnh cao so với những thành tựu pháp luật của các triều đại trước đó, mà còn đối với cả bộ luật được biên soạn vào đầu thế kỷ XIX: Hoàng Việt luật lệ...” (Quốc triều hình luật, 1995: 17). Điểm đặc sắc của bộ luật còn được thể hiện ở nội dung điều chỉnh của bộ luật. QTHL được đánh giá là bộ luật thể hiện tư tưởng vượt thời đại, mang đậm giá trị nhân văn. Theo GS. Vũ Văn Mẫu: “Trong Bộ luật nhà Lê có rất nhiều điều tân kỳ, chưa hề được ban hành bao giờ ở Trung Quốc. Những điều luật ấy rải rác khắp trong Bộ luật nhà Lê, nhất là trong hai chương Hộ hôn và Điền sản. Hai chương này là... một tân kỳ mới mẻ” (Trần Ngọc Đường, 2017). Đồng thời, cách thức thảo các văn tự, chúc thư, chế độ tài sản của vợ chồng, thừa kế không tìm thấy trong pháp luật Trung Quốc cũng như *Hoàng Việt luật lệ* (HVLL) thời Nguyễn.

2. Những giá trị về pháp điển hoá của Quốc triều hình luật

Thứ nhất, về quy trình và kỹ thuật soạn thảo: Hiện chưa có tài liệu nào viết về quá trình biên soạn bộ luật này, cũng như quy trình, thủ tục ra sao. Theo các nhà nghiên cứu, QTHL trải qua một quá trình xây dựng lâu dài, từ thời vua Lê Thái Tổ đến thời vua Lê Thánh Tông mới hoàn thành, người chỉ đạo biên soạn là các vị vua thời Lê sơ. Để xây dựng những bộ luật tổng hợp có quy mô lớn, phạm vi điều chỉnh rộng, các nhà làm luật thời Lê đã nghiên cứu để phân chia và sắp xếp theo những định hướng nhất định. Nếu như HVLL¹, Đại² và Đại Thanh luật lệ (Trung Quốc) sắp xếp theo thẩm quyền của Lục bộ thì qua cấu trúc của QTHL, có thể thấy, các điều luật được xếp theo thẩm quyền của các bộ, hoặc theo lĩnh vực hay mối quan hệ xã hội. Hay nói cách khác các nhà làm luật thời Lê có sự kế thừa cách thức kết cấu bộ luật thời nhà Đường. Tuy chưa phản ánh được tính cụ thể và hoàn thiện nhưng cách phân loại như vậy đã phần nào thể hiện tư duy khoa học và giúp việc tra cứu được dễ dàng, thuận lợi. Ví dụ: Sắp xếp theo khách thể của tội phạm như chương Vệ cấm tập hợp các điều khoản đề cập đến việc canh giữ bảo vệ Hoàng thành; chương thông gian là những điều khoản liên quan đến tội phạm tình dục; chương Điền sản chủ yếu nói đến đất đai, cách thức quản lý, phân chia. Hoặc có các chương được sắp xếp theo thẩm quyền các bộ như các lĩnh vực Bộ Hộ quản lý được sắp xếp trong chương Hộ hôn; hay chương Quân chính là các vấn đề thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Binh.

¹ Quyển 1-3 danh lệ; quyển 4-5 bộ lại; quyển 6-8 bộ hộ; quyển 9 bộ lễ; quyển 10-11 bộ binh; quyển 12-20 bộ hình; quyển 21 bộ công; quyển 22 tổng loại.

² Tên gọi đầy đủ là *Đại Minh luật tập giải phụ lệ* là bộ pháp điển quan trọng của vương triều Đại Minh được ban hành dưới thời Minh Thái Tổ (Chu Nguyên Chương). Bộ luật được biên soạn từ năm Ngô nguyên niên (1364) và trải qua 3 lần hiệu chỉnh vào các năm Hồng Vũ thứ 7 (1374), Hồng Vũ thứ 22 (1389) và Hồng Vũ thứ 30 (1397) mới hoàn thành. Bao gồm 30 quyển sắp xếp theo thẩm quyền lục bộ: Danh lệ 01 quyển; Lại luật 02 quyển: Chức chế và Công thức; Hộ luật 7 quyển gồm: Hộ dịch, Điền Trạch, Thương khó, Khoá trình, Tiền trái, Thị triển; Lễ luật 02 quyển: Tế lễ và Lễ nghi; Binh luật 05 quyển: Quân chính, Quan tân, Cứu mục, Bưu dịch; Hình luật 11 quyển: Đạo tặc, Thụ tang, Trá ngục, Tạt phạm, Bộ vong, Đoán ngục; Công luật 02 quyển: Doanh tào.

Thứ hai, QTHL là bộ tổng luật chứa đựng nhiều quy phạm pháp luật của các ngành luật khác nhau, được trình bày theo kỹ thuật lập pháp của luật hình sự. Trong các điều khoản đều mô tả hành vi vi phạm và kèm theo đó là chế tài tương ứng. Bên cạnh các chế tài hình sự với các hình phạt thân thể, Ngũ hình còn kèm các chế tài dân sự, hành chính như biếm tư, phạt tiền, bãi chức. Trong một điều luật có thể kèm theo chế tài hình sự và dân sự. Ví dụ Điều 89 quy định: “Trước và sau ngày Hoàng đế lên ngôi một tháng, cấm các nhà ở trong kinh thành cử hành việc tang, người nào phạm thì phạt 50 roi, biếm một tư” (Viện Sử học, 2009: 36). Trong một số trường hợp, các điều luật chỉ có phần giả định và quy định mà không có chế tài như Điều 40 quy định: “Những người miền thượng du (chỉ người dân tộc thiểu số ở miền núi) cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xứ ấy mà định tội. Những người thượng du mà phạm tội với người trung thì theo luật mà định tội” (Viện Sử học, 2009: 27). Bên cạnh đó, các nhà làm luật cũng đã tiên liệu được nhiều tình huống để đặt ra những quy định ngăn chặn và điều chỉnh. Trong chương Điền sản của QTHL khi quy định về việc chia tài sản sau khi vợ hoặc chồng chết mà không có chúc thư, các nhà làm luật đã tiên liệu rất nhiều tình huống cụ thể trong các Điều 374, 375, 376, 377 như: Vợ chồng không có con; Chồng có con với tất cả các bà vợ/ hoặc có con với vợ trước, nhưng không có con với vợ sau và ngược lại...; Vợ chồng đã có con, một trong hai người chết, sau đó con cũng chết; Khi chồng chết, con còn nhỏ, vợ đi lấy chồng khác... Hay trong vấn đề chia tài sản hương hỏa, 13 điều luật từ Điều 388 đến Điều 400 đã dự liệu các trường hợp không có con trưởng, không có con trai, người con trai trưởng bị tật, người con trai trưởng chỉ sinh toàn con gái... thì tài sản hương hỏa sẽ dành cho đối tượng nào.

Thứ ba, bộ QTHL là sản phẩm pháp điển hoá có sự kế thừa chọn lọc pháp luật của Trung Quốc và các triều đại trước của Việt Nam (pháp luật Lý, Trần, Hồ). Phan Huy Chú trong *Lịch triều hiến chương loại chí* có viết “Hình luật đời Hồng Đức tham dụng các đời Tuỳ, Đường, xử lý có những điều nhất định, nặng nhẹ có những mức cao thấp, các đời tuân theo, dùng làm phép sẵn, dù các điều mục lặt vặt có thêm bớt, nhưng đại cương chế độ bao giờ cũng vẫn theo đó, thật là cái mẫu mực của trị nước, cái khuôn phép để buộc dân” (Phan Huy Chú, 1961: 95). Về hình thức, QTHL cũng như các bộ luật khác của Trung Quốc và Việt Nam đều là bộ luật tổng hợp, có kết cấu thành quyển, chương, điều khoản và 2 phần: Danh lệ và Bản điều. Trong phần Danh lệ chủ yếu là các chế định kinh điển trong pháp luật phong kiến Trung Quốc như Ngũ hình, Bát nghị, Thập ác tội, các nguyên tắc chung. Phần Bản điều là các điều khoản. Tác giả Insun Yu có so sánh bộ QTHL thời Lê sơ và Đường luật số nghị của Trung Quốc về chương và điều khoản:

Bảng 1: So sánh Quốc triều hình luật và Đường luật số nghị

Đường luật số nghị	Quốc triều hình luật
502 điều với 12 chương	722 điều với 15 chương
1. Danh lệ	1. Danh lệ
2. Cấm vệ	2. Vệ cấm
3. Quy chế hành chính	3. Vi chế
4. Hộ hôn	4. Quân chính
5. Các chuồng ngựa của nhà nước và kho tàng	5. Hộ hôn
6. Những việc huy động lao dịch không được phép	6. Điền sản
7. Đạo tặc	7. Điều khoản về điền sản mới bổ sung
8. Đấu tụng	8. Bổ sung thêm về luật hương hỏa
9. Trá nguy	9. Thông gian
10. Tập luật	10. Đạo tặc
11. Bộ vong	11. Đấu tụng
12. Đoán ngục	12. Trá nguy

	13. Tập luật 14. Bộ vong 15. Đoán ngục
--	--

Nguồn: Insun Yu, 1994: 74, 75.

Theo bảng 1 có thể nhận thấy, QTHL có số lượng điều khoản nhiều hơn so với luật Đường (hơn 216 điều) và có một số chương khác so với luật Đường, đó là chương 3,4,6,7. So với Đại Minh luật thì QTHL hơn 262 điều. Điều này cho thấy sự cởi mở trong đời sống chính trị, sẵn sàng tiếp nhận những tinh hoa của một quốc gia có nền văn minh phát triển cao để vận dụng sáng tạo phù hợp với điều kiện của nước mình. Bên cạnh đó, trong số 722 điều, ngoài 261 điều vay mượn từ bộ luật của nhà Đường³, còn có 53 điều vay mượn luật nhà Minh⁴ và có 407 điều khác là do các nhà làm luật thời Lê biên soạn (Insun Yu, 1994: 241-244). Cụ thể:

Bảng 2: Số điều khoản khác với Đường luật sơ nghị

Chương	Tổng số điều khoản	Số điều khoản riêng có
Chương 1	49	22
Chương 2	47	30
Chương 3	144	109
Chương 4	43	26
Chương 5	58	35
Chương 6	32	24
Chương 7	14	12
Chương 8	13	13
Chương 9	10	4
Chương 10	54	22
Chương 11	50	12
Chương 12	38	12
Chương 13	92	44
Chương 14	13	2
Chương 15	65	40
Tổng	722 điều	407 điều

Nguồn: Insun Yu, 1994: 73.

³ Các điều khoản Quốc triều hình luật vay mượn từ Đường luật sơ nghị: 1, 2, 3, 4, 5, 7, 8, 11, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 23, 35, 36, 37, 39, 40, 41, 42, 43, 44, 45, 50, 51, 52, 53, 54, 55, 59, 60, 62, 63, 64, 65, 70, 71, 87, 91, 97, 102, 103, 104, 106, 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117, 119, 121, 122, 123, 133, 134, 135, 137, 138, 190, 191, 254, 255, 258, 259, 260, 261, 264, 265, 266, 267, 268, 290, 291, 292, 309, 310, 315, 316, 317, 318, 319, 320, 321, 325, 326, 327, 342, 343, 344, 349, 359, 365, 373, 382, 401, 406, 407, 408, 413, 415, 416, 417, 418, 419, 420, 421, 422, 423, 424, 426, 427, 430, 431, 433, 436, 437, 440, 442, 449, 453, 454, 465, 466, 467, 468, 469, 470, 471, 474, 475, 476, 477, 478, 479, 480, 481, 482, 483, 484, 485, 486, 487, 488, 489, 490, 497, 498, 499, 500, 501, 502, 503, 504, 505, 506, 507, 508, 515, 516, 517, 518, 519, 520, 521, 525, 527, 528, 535, 536, 538, 539, 540, 543, 544, 545, 546, 547, 551, 553, 554, 556, 557, 558, 559, 560, 561, 562, 563, 564, 565, 566, 567, 568, 570, 571, 572, 573, 574, 575, 579, 581, 582, 588, 591, 592, 594, 596, 598, 601, 602, 606, 609, 610, 622, 631, 642, 645, 646, 647, 648, 649, 650, 651, 652, 654, 655, 657, 658, 661, 662, 663, 664, 665, 666, 668, 669, 670, 679, 680, 682, 683, 684, 685, 686, 695, 708 (Theo Insun Yu, 1994: 244-246).

⁴ Các điều khoản Quốc triều hình luật vay mượn từ Đại Minh luật: 68, 105, 118, 222, 262, 263, 278, 282, 283, 286, 289, 295, 322, 323, 324, 338, 345, 402, 403, 404, 405, 409, 410, 411, 428, 435, 411, 443, 444, 446, 450, 493, 513, 522, 523, 532, 541, 549, 550, 555, 578, 587, 597, 604, 633, 634, 638, 639, 677, 692, 693, 706, 707, 719 (Theo Insun Yu, 1994: 246).

Theo bảng 2 có thể thấy, số lượng điều khoản riêng có trong QTHL chiếm 56,37% chứng tỏ các nhà làm luật thời Lê không phải sao chép nguyên vẹn luật nhà Đường, khẳng định sự độc lập tương đối của các nhà làm luật thời Lê trong quá trình xây dựng bộ luật. Sự kế thừa này có chọn lọc, thay đổi phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội, văn hóa Việt Nam và pháp luật của các triều đại trước đó. Ví dụ: tội bất hiếu trong Thập ác tội, luật Trung Quốc không cho phép con cái chia tài sản để ra ở riêng sau khi xây dựng gia đình, nếu cha mẹ còn sống. Khi tham khảo điều luật này, Điều 2 QTHL đã bãi bỏ quy định nói trên: “Bất hiếu là tố cáo, rửa mặt ông bà cha mẹ, trái lời cha mẹ dạy bảo, nuôi nấng thiếu thốn, có tang cha mẹ mà lấy vợ lấy chồng, vui chơi ăn mặc như thường, có tang ông bà cha mẹ mà giấu, không cử ai, nói dối là ông bà cha mẹ chết” (Viện Sử học, 2009: 21). Trong hệ thống Ngũ hình⁵, hình phạt đồ của Trung Quốc là 5 bậc tù khổ sai có thời hạn từ 1 đến 3 năm⁶ thì hình phạt đồ trong QTHL kế thừa pháp luật thời Lý, Trần là tù khổ sai không có thời hạn và phân bố theo giới, địa vị đều gắn với việc phát triển kinh tế, quốc phòng. Cụ thể:

- Hình phạt đồ thời Thời Lý, Trần có 2 bậc mức độ khác nhau: loại bị đồ làm Cảo điền hoành thì thích vào mặt 6 chữ, cho ở Cảo xã (nay là xã Nhật Cảo), cày ruộng côn, mỗi người 3 mẫu, mỗi năm phải nộp 300 thăng thóc. Loại bị đồ làm Lao thành binh thì thích vào cổ 4 chữ, bắt dọn cỏ ở Phụng Thành, thành Thăng Long, lệ vào quân Tứ sương (Đại Việt sử kí toàn thư, 1993: 162).

- Hình phạt đồ trong QTHL được quy tại Điều 1, có sự kế thừa, sửa đổi và bổ sung thêm chia làm 3 bậc: Bậc 1: đàn ông có quan chức thì đồ làm thuộc đinh các viện hay quân đình trong bản sảnh, dân thì làm xã đinh ở bản xã. Nữ phạm tội đánh 80 roi đồ làm thứ phụ ở làng, vợ các quan viên thì đồ làm viên phụ. Phạm tội đánh 50 roi đồ làm tang thất phụ (nuôi tằm); Bậc 2: Nam đồ làm tượng phương binh và đánh 80 trượng, thích vào cổ 2 chữ; Nữ đồ làm xuy thất tỷ (phục vụ nhà bếp), đánh 50 roi và thích vào cổ 2 chữ; Bậc 3: Nữ đồ làm Thung thất tỷ (xay lúa, giã gạo), đánh 50 roi và thích vào cổ 4 chữ; Nam đồ làm chủng điền binh (phục dịch làm ruộng), đánh 80 trượng và thích vào cổ 4 chữ, đầy ở Diễn Châu (Viện Sử học, 2009: 19-20).

Hình phạt lưu trong Ngũ hình của Trung Quốc có 3 bậc, lưu theo đơn vị chiều dài (lý: 3.000 lý, 2.500 lý, 2.000 lý) thì Quốc triều hình luật đã có áp dụng hình phạt lưu với việc phân bố lại dân cư và thúc đẩy phát triển kinh tế ở những nơi biên giới, có điều kiện kinh tế khó khăn (bậc 1: Nghệ An, bậc 2: Quảng Bình, bậc 3: Cao Bằng). Ngoài ra, hình phạt biếm lần đầu được áp dụng dưới thời Hồ vào năm 1406 cũng được QTHL kế thừa, hoàn thiện tại các Điều 22, 27, 46 về bậc biếm, tiền chuộc tội biếm và được phân bố thành các chế tài áp dụng tại điều luật điều chỉnh các hành vi vi phạm trong các lĩnh vực.

So sánh với 1 số điều khoản trong QTHL với Đại Minh luật về tham nhũng có thể thấy hai bộ luật đã dành khá nhiều điều khoản đề cập đến vấn đề này. Đại Minh luật có 96/460 điều (chiếm 20,8%); QTHL có 76/722 điều (chiếm 10,5%) liên quan đến vấn đề tham nhũng (Phan Ngọc Huyền, 2017: 115). Theo sự thống kê phân tích của tác giả Phan Ngọc Huyền về hình thức xử phạt đối với người tham nhũng về cơ bản đều tuân theo nguyên tắc tính theo tang vật mà luận tội nặng nhẹ, tuy nhiên cũng có sự khác biệt trong việc áp dụng hình phạt.

⁵ Là hệ thống hình phạt kinh điển trong pháp luật Trung Quốc với 5 bậc: xuy, trượng, đồ, lưu, tử.

⁶ Hình phạt đồ của Trung Quốc có 5 bậc: 1 năm và 60 trượng; 1,5 năm và 70 trượng; 2 năm và 80 trượng; 2,5 năm và 90 trượng; 3 năm và 100 trượng.

Ví dụ: đối với người nhận hối lộ làm trái pháp luật, “Đại Minh luật quy định: từ 01 quan trở xuống, phạt 70 trượng; 01 quan trở lên đến 5 quan, phạt 80 trượng; 10 quan, phạt 90 trượng; 15 quan, phạt 100 trượng; 20 quan, phạt 60 trượng, đồ 1 năm; 25 quan, phạt 70 trượng, đồ 1 năm rưỡi; 30 quan, phạt 80 trượng, đồ 2 năm; 35 quan, phạt 90 trượng, đồ 2 năm rưỡi; 40 quan, phạt 100 trượng, đồ 3 năm; 45 quan, phạt 100 trượng, lưu 2.000 dặm; 50 quan, phạt 100 trượng, lưu 2.500 dặm; 55 quan, phạt 100 trượng, lưu 3.000 dặm; 80 quan xử giáo. Trong QTHL, luật cũng quy định về các mức độ xử phạt tương ứng với số tiền nhận hối lộ nhiều hay ít song mức thang hình phạt có phần gọn hơn: “Quan ti làm trái pháp luật mà ăn hối lộ từ 1 quan đến 9 quan thì xử tội biếm hay bãi chức, từ 10 quan đến 19 quan thì xử tội đồ hay lưu, từ 20 quan trở lên thì xử tội chém” (Phan Ngọc Huyền, 2017: 115). Hay hình phạt tử áp dụng cho hành vi nhận hối lộ cũng có sự khác nhau ở hai bộ luật. QTHL có chỉ ra các hành vi sau sẽ áp dụng mức cao nhất là tử hình: Sứ thần đi sứ ra nước ngoài... lấy của hối lộ mà tiết lộ công việc nước nhà; Quan ti làm trái pháp luật ăn hối lộ từ 20 quan trở lên; Quan liêm phóng (quan mật tra) khi xét việc vì báo ân báo oán hay ăn hối lộ mà đổi trắng thay đen; Những người giữ kho vũ khí, bán trộm đồ vũ khí; Chánh, phó ngũ trưởng cai quản quân đội sai đi cướp quân nhu hay chặn đường quân địch định lấy tiền hay ăn bớt; Khi hành quân coi việc vận lương mà ăn trộm hay giấu giếm lương thực hoặc vật dụng; Khi đi đánh dẹp bắt được giặc mà lấy của cải đồ vật, rồi lại vì có thân tình quen biết mà thả ra; Giấu những đồ vật của công từ 50 quan trở lên; Tội nhân được nhà vua đặc ân tha cho mà quan đại thần, quan hành khiển cùng các quan coi ngục tụng tự nhận là ơn của mình để đòi hối lộ; Ngục giám, ngục lại đi bắt phạm nhân mà lấy tiền của người ta, nếu đòi nhiều quá đến nỗi cả xã ấy bị phá sản. Đại Minh luật có đề cập đến 8 hành vi: Báo cáo quân vụ; Ăn trộm đồ ngự tế thần; Ăn trộm đồ ngự tế thần, Ăn trộm đồ vật nội phủ, Ăn trộm đồ vật nội phủ, Thường nhân [lại viên] ăn trộm lương tiền kho khố, Quan lại nhận tài vật, Tư nhận tài vật của công hầu, Giả truyền thánh chỉ (Phan Ngọc Huyền, 2017: 115-116). Điều này cho thấy, các nhà làm luật thời Lê có sự tham khảo chọn lọc.

Thứ tư, QTHL còn đặt ra các quy định đòi hỏi từ thực tiễn của đất nước về chống xâm lược, đảm bảo sự phát triển kinh tế nông nghiệp và đời sống cư dân. Triều Lê được thiết lập sau một cuộc kháng chiến chống quân xâm lược. Mặc dù giành được độc lập nhưng với vị trí liền kề với nước lớn thì càng cần trọng. Kế thừa tinh thần “Nam quốc sơn hà nam đế cư/ Tiệt nhiên định phận tại thiên thư” và “Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân/ Quân điếu phạt trước lo trừ bạo”, vua Lê Thánh Tông đã chỉ dụ: “Một thước núi, một tấc sông của ta, lẽ nào lại nhen vút bỏ? Người phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần. Nếu họ không nghe, còn có thể sai sứ sang phương Bắc trình bày rõ điều ngay lẽ gian. Nếu người dám đem một thước một tấc đất của Thái tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di” (Đại Việt sử ký toàn thư, 1993: 478). Vì lẽ đó, bên cạnh chính sách xây dựng quân đội, cắt cử quân tuần hành vùng biên, thực hiện cống nạp... các vị vua triều Lê còn cụ thể hoá việc bảo vệ chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ thông qua các quy định của pháp luật. QTHL có nhiều điều khoản trong các lĩnh vực đề cập đến vấn đề này. Trong các quy định về hợp đồng: Điều 74 quy định: “Những người bán ruộng đất ở bờ cõi cho người nước ngoài thì bị tội chém” (Viện Sử học, 2009: 34). Những người đem bán nô tì và voi ngựa cho người nước ngoài thì bị tội chém; hay Điều 75: “Những người đem đồ binh khí và các thức thuốc có thể chế hoá pháo, hoá tiễn bán cho nước ngoài hay tiết lộ việc quân cơ ra nước ngoài đều phải tội chém” (Viện Sử học, 2009: 34). Trong hôn nhân, Điều 71 quy định: “Nếu kết vợ chồng với người nước ngoài thì lưu đi

châu xa, đôi vợ chồng ấy bắt phải li dị và bắt trở về nước” (Viện Sử học, 2009: 33); Trong ngoại giao, Điều 79 quy định: “Sứ thần ra nước ngoài hay sứ thần nước ngoài vào trong nước mà trò chuyện riêng hoặc lấy của hối lộ công việc nước nhà thì đều phải tội chém” (Viện Sử học, 2009: 35). Có thể thấy, các chế tài đi kèm nặng, tử hình bởi các hành vi trên liên quan đến bí mật quốc gia và đảm bảo chủ quyền lãnh thổ.

Sau chiến tranh, để khắc phục tình trạng kinh tế nông nghiệp bị tàn phá và hiện trạng dân lưu tán, bên các chính sách quân điền, khai hoang, quản lý phân chia lại dân cư... QTHL có nhiều điều khoản quan tâm bảo vệ đời sống của dân thường trong các làng xã, đặc biệt là nghèo khổ thông qua việc quy định trách nhiệm của quan lại trong việc bảo vệ, chăm sóc nền kinh tế, đời sống của người dân hoặc bảo vệ đề điều. Điều 182 QTHL quy định: “Việc giữ dê không vững vàng hoặc quan giám đương không ra sức giữ gìn để nước lụt làm vỡ dê làm mất hoa màu của dân thì quan lộ và quan giám đương bị xử biếm 2 tư, bãi chức” (Viện Sử học, 2009: 50). Để bảo vệ sức kéo chủ yếu cho nông nghiệp, triều Lê nghiêm cấm việc tự tiện giết trâu bò. Điều 580 Quốc triều hình luật quy định: “Những người tự tiện giết trâu, ngựa thì xử phạt 80 trượng và phải nộp tiền bằng giá con trâu, ngựa ấy vào công kho” (Viện Sử học, 2009: 116). Điều 284 QTHL có nêu: “Các quan ti làm việc ở ngoài nếu không biết làm việc lợi, trừ việc hại để dân trăm họ phiêu bạt đi nơi khác, hộ khẩu bị hao hụt và có vụ trộm cướp ở trong hạt thì xử tội bãi chức hay đồ” (Viện Sử học, 2009: 66). Điều 294 cũng quy định: “Trong kinh thành hay phường, ngõ và xóm làng có kẻ đau ốm mà không ai nuôi nấng, nằm ở đường sá, cầu điểm, chùa, quán thì xã quan ở đó phải dựng lều lên mà giữ gìn, săn sóc và cho họ cơm cháo thuốc men, cố sao cứu cho họ sống, không được bỏ mặc cho họ rên rỉ khôn khó. Nếu không may mà họ chết thì phải trình quan và tui tiện chôn cất không được để phơi lộ thi hài, trái lệnh này thì quan phường xã bị tội biếm hoặc bãi chức” (Viện Sử học, 2009: 67-68). Hay Điều 295 QTHL: “Những người goá vợ, goá chồng, mồ côi và người tàn tật nặng, nghèo khổ mà không có người thân thích để nương tựa, không thể tự mình mưu sống được mà quan sở tại bỏ rơi họ thì xử đánh 50 roi, biếm 1 tư”. Bên cạnh đó, QTHL cũng có sự ghi nhận hàng loạt các điều khoản bảo vệ người dân trước sự ức hiếp của quan lại như Điều 164, 636, 658, 707, 682, 665, 663...

Thứ năm, QTHL kế thừa, phản ánh các quy phạm đạo đức Nho giáo, đạo đức truyền thống, tập quán người Việt vào các quy phạm pháp luật hoặc có sự kết hợp chặt chẽ giữa phong tục với pháp luật.

Nho giáo khi vào Việt Nam đã hoà nhập với văn hoá truyền thống của người Việt, đề cao các tiêu chí đạo đức như: hiếu kính, chung thủy, nghĩa tình, yêu thương... Điều này đã được luật hoá thành các quy định của pháp luật trong QTHL như Thập ác tội hay bốn phạm, trách nhiệm chăm sóc, phụng dưỡng ông bà cha mẹ của các con hoặc các đối tượng bị tổn thương khác. Bộ luật Hồng Đức “không chỉ nhằm bảo vệ địa vị và quyền lợi của nhà vua, giai cấp phong kiến thống trị mà còn thừa nhận bảo vệ những quyền cơ bản nhất của con người, mọi người” (Hoàng Hùng Hải, 2017: 17), trong các quyền đó đặc biệt lưu tâm đến quyền của người phụ nữ.

Nếu như người phụ nữ Trung Quốc và Việt Nam bị ràng buộc bởi quan điểm Nho giáo, tức đều phải thực hiện bốn phạm nghĩa vụ tam tông, tứ đức, chung thủy thì trong QTHL, truyền thống coi trọng, bảo vệ người phụ nữ phần nào đó đã được đề cập. Theo đó, phụ nữ trong pháp luật thời Lê cũng được đảm bảo một số quyền lợi về từ hôn, li hôn và quyền tài sản (Viện Sử học, 2009: 68). Nếu như HVLL lệ chỉ có 1 điều khoản cho phép người phụ nữ

được quyền li hôn với người chồng thì QTHL có 3 điều: Điều 322: Con gái hứa gả chồng mà chưa thành hôn, nếu người con trai bị ác tật hay phạm tội hoặc phá sản gia sản thì cho phép người con gái được kêu quan mà trả lại đồ lễ. Nếu người con gái bị ác tật hay phạm tội, thì không phải trả lại đồ lễ, trái luật xử 80 trượng (Viện Sử học, 2009: 72); Điều 308: Phàm chồng bỏ lửng vợ 5 tháng không đi lại thì mất vợ. Nếu vợ đã có con thì cho hạn 1 năm (Viện Sử học, 2009: 70); Điều 332: Nếu con rể lấy chuyện phi lí mắng nhiếc cha mẹ vợ, đem việc thừa quan sẽ cho li dị (Viện Sử học, 2009: 73). Điều 391 thể hiện sự mềm hoá trong việc thực hiện nguyên tắc thiết lập thừa kế hương hỏa của Trung Quốc “trọng trưởng, trọng nam, trọng đích” là: “Người giữ hương hỏa có con trai trưởng thì dùng con trai trưởng, không có con trai trưởng thì dùng con gái trưởng” (Viện Sử học, 2009: 84). Điều khoản này cho phép người phụ nữ được thừa kế tài sản hương hỏa từ cha mẹ, khác với luật Đường, Minh là tài sản hương hỏa được thiết lập theo nguyên tắc “trọng trưởng, trọng nam, trọng đích”. Mặt khác, tại các Điều 374, 375, 376 bộ luật đã có sự phân định nguồn gốc tài sản vợ chồng trong thời kì hôn nhân (phu điền sản, thê điền sản và tảo điền sản) và cách thức chia tài sản vợ chồng khi hôn nhân chấm dứt trong các trường hợp được dự liệu. Có thể thấy, truyền thống “uống nước nhớ nguồn”, đạo hiếu và sự tôn trọng người phụ nữ trong văn hoá, tập quán của người Việt đã được thể chế hoá vào pháp luật và được pháp luật ghi nhận.

Đồng thời, QTHL có những điều khoản thể hiện sự kết hợp giữa tập quán với pháp luật. Trong việc giải quyết các vấn đề liên quan đến người dân tộc thiểu số, Điều 40 quy định: “Những người miền thượng du cùng phạm tội với nhau thì theo phong tục xứ ấy mà định tội. Những người thượng du phạm tội với người trung châu thì theo luật mà định tội” (Viện Sử học, 2009: 27). Mặc dù quy định về vấn đề này không nhiều nhưng phần nào đã thể hiện chính sách “nhu viễn” và sự tôn trọng luật tục cũng như văn hoá của dân tộc thiểu số, tránh sự xung đột của các quy phạm pháp luật và quy phạm đạo đức. Các vấn đề liên quan đến việc chấm dứt quản lý tài sản hương hỏa sau 5 đời cũng thể hiện sự tôn trọng tập quán, để cho người dân lựa chọn phù hợp như nhập vào ruộng công, ruộng hậu họ hoặc ruộng chùa.

3. Một số giá trị đối với hoạt động pháp điển hoá ở Việt Nam hiện nay

Hiện nay, số lượng văn bản quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực khá nhiều (tính đến ngày 31/5/2019, cả nước có 61.292 văn bản quy phạm pháp luật; trong đó có 8.748 văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan ở cấp Trung ương ban hành và 52.544 văn bản quy phạm pháp luật do các cơ quan từ cấp tỉnh trở xuống ban hành (Đồng Ngọc Ba, Nguyễn Duy Thắng: 2012). Hoạt động công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật đã được đẩy mạnh trong thời gian qua, phát hiện và loại bỏ một số văn bản hết hiệu lực và không đúng thẩm quyền. Đồng thời, sau khi Pháp lệnh pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật số 03/2012/UBTVQH13 ngày 16/4/2012 của Ủy ban thường vụ Quốc hội được ban hành, một số hoạt động tập hợp, hệ thống hóa các văn bản quy phạm pháp luật tạo thành các Tổng tập văn bản hoặc cơ sở dữ liệu văn bản quy phạm pháp luật đã hình thành như: Cơ sở dữ liệu luật trên trang thông tin điện tử của Quốc hội (www.vietlaw.gov.vn), Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ (www.chinhphu.vn), Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của Bộ Tư pháp (www.moj.gov.vn), Bộ Tài chính (www.mof.gov.vn), Bộ Công thương (www.moit.gov.vn),... Tuy nhiên, việc tập hợp các văn bản “chưa thực sự đầy đủ, các tổng tập văn bản chỉ bao gồm một lĩnh vực hẹp hoặc các văn bản liên quan đến ngành, lĩnh vực phục vụ mục đích của một tổ chức và chưa phân biệt rõ

văn bản nào còn hiệu lực, văn bản nào hết hiệu lực nên dẫn đến việc tra cứu gặp rất nhiều khó khăn” (Phí Thị Thanh Tuyền, 2015). Với quan điểm, chủ trương đẩy mạnh hoạt động pháp điển hoá cả về nội dung lẫn hình thức hiện nay chúng ta cần tiếp thu những giá trị tiên tiến của các nước trong hoạt động pháp điển hoá mà còn “ôn cố tri tân”, học tập cha ông ta trong lịch sử về kỹ thuật lập pháp. Từ việc nghiên cứu những giá trị pháp điển hoá của QTHL thời Lê, chúng ta có thể rút ra một số giá trị cho hoạt động lập pháp hiện nay:

Một là, pháp luật hiện hành thực hiện pháp điển hóa hình thức, với sản phẩm là Bộ pháp điển, nhưng lại chưa đề cập tới sản phẩm của hoạt động pháp điển hóa nội dung là bộ luật. Điều này dẫn tới việc các bộ luật được pháp điển hóa chưa đạt được hiệu quả, cũng như phát huy tối đa giá trị trong tình trạng điều chỉnh các quan hệ xã hội. Điển hình như Bộ luật Hình sự năm 2015 gặp khá nhiều vướng mắc trong thực thi, phải tiếp tục sửa đổi bổ sung ngay sau khi ban hành (Nguyễn Hoài Anh, 2021). Do đó, trong quá trình pháp điển hoá bộ luật, trong các điều khoản của các bộ luật hiện nay cần dự liệu các trường hợp xảy ra trên thực tế hoặc tương lai.

Hai là, hiện nay khi xây dựng các điều luật, bên cạnh các quy định có tính nguyên tắc chung cần phải xây dựng biện pháp chế tài áp dụng song hành đối với chủ thể vi phạm pháp luật trong cùng 1 văn bản pháp luật. Điều này sẽ làm cho các điều luật được thể hiện rõ ràng, vừa tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật. Các quy định của pháp luật hình sự hiện nay, các loại chế tài thường không cố định, thường ấn định mức tối thiểu và tối đa. Mức áp dụng cụ thể trong trường hợp cụ thể được quyết định bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền áp dụng pháp luật đối với trường hợp căn cứ vào tính chất của mỗi vụ việc cụ thể. Phần chế tài trong các quy phạm pháp luật của QTHL thời Lê sơ được quy định dưới dạng chế tài cố định, dựa trên hành vi, mức lỗi của người vi phạm. Việc quy định này đảm bảo tính chính xác trong việc áp dụng pháp luật của các cơ quan nhà nước, tránh được sự tùy tiện trong việc áp dụng pháp luật. Do vậy, trong các quy phạm pháp luật hiện nay, tùy theo mức độ nguy hiểm của hành vi, lỗi của chủ thể vi phạm... cần thiết kế linh hoạt chế tài cố định hoặc theo khung để tạo nên sự khách quan, linh hoạt trong việc thực hiện và áp dụng pháp luật.

Ba là, khi ban hành các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần lưu tâm giải quyết một cách thoả đáng mối quan hệ giữa pháp luật với đạo đức, trong đó cần phải phân định rõ ranh giới điều chỉnh của pháp luật và đạo đức bằng việc luật hoá các chuẩn mực đạo đức. Bên cạnh đó, các nhà làm luật cũng cần loại bỏ các tập quán lạc hậu.

Bốn là, hiện nay cũng như trước đây khi xây dựng và ban hành văn bản pháp luật, các nhà làm luật đều có sự tham khảo luật lệ của các quốc gia khác. QTHL cũng được tham chiếu có chọn lọc luật Đường, Minh của Trung Quốc. Kinh nghiệm xây dựng bộ luật thời Lê đã để lại cho chúng ta bài học về việc học tập kinh nghiệm, tiếp thu luật lệ các nước phải trên cơ sở chọn lọc, bổ sung, phù hợp với điều kiện kinh tế, xã hội và văn hoá Việt Nam.

4. Kết luận

Tóm lại, QTHL là bộ luật thể hiện sự thành công, mẫu mực của hoạt động pháp điển hoá thời trung đại cả về hình thức lẫn nội dung. Bộ luật điều chỉnh mọi mối quan hệ trong xã hội, do đó có thể gọi đây là bộ tổng luật. Mặc dù được xây dựng vào thời quân chủ nhưng bộ QTHL vẫn chứa đựng nhiều tư tưởng tiến bộ vượt thời đại bảo vệ quyền lợi của phụ nữ, trẻ em, người dân tộc thiểu số... Đặc biệt, tính dân tộc được thể hiện rõ nét trong việc kế

thừa và phát huy những thành tựu pháp luật của các triều đại trước, kết hợp với sự kế thừa có chọn lọc pháp luật phong kiến Trung Hoa để xây dựng một bộ luật phù hợp với điều kiện địa lý, văn hóa... của nước ta.

Bộ tổng luật này với việc sử dụng lối diễn đạt đơn giản theo lối “nếu .. thì... sẽ”, cùng với quy định và chế tài đi kèm điều chỉnh mọi lĩnh vực: hình sự, dân sự, thừa kế, hôn nhân... đã tạo điều kiện thuận lợi đi vào cuộc sống của cư dân, thuận lợi cho việc tra cứu, áp dụng pháp luật. Với chủ trương xây dựng các Bộ pháp điển nhà nước đặt ra từ năm 2012 thì việc tìm hiểu và đúc rút giá trị từ QTHL là một việc làm cần thiết.

Tài liệu tham khảo

Đại Việt sử ký toàn thư. (1993). Bản PDF. Nxb Khoa học xã hội. <http://thuvienso.bvu.edu.vn/bitstream/TVDHBRVT/4546/1/Dai%20viet%20su%20ky%20toan%20thu.PDF>

Đồng Ngọc Ba, Nguyễn Duy Thắng. (2012). Đẩy mạnh công tác pháp điển ở nước ta trong thời gian tới. *Tạp chí Dân chủ và Pháp luật*. Số Chuyên đề tháng 02. <https://phapdien.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=281>

Hoàng Hùng Hải. (2017). Tư tưởng quyền con người trong đời sống pháp luật thời kỳ phong kiến Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*. Số 13 (341).

Insun Yu (1994). *Luật và xã hội Việt Nam thế kỉ XVII-XVIII*. Nxb. Khoa học xã hội.

Lê Thị Sơn. (2023). Nghiên cứu lịch sử hình thành, nội dung cơ bản và những giá trị của Quốc triều hình luật thời nhà Lê (Bộ luật Hồng Đức). http://tlpl.moj.gov.vn/tailieu/Lists/LDeTaiKhoaHoc/Attachments/84/DT121%20QuoctriehinhluatDHL.doc?Mobile=1&Source=%2Ftailieu%2F_layouts%2Fmobile%2Fdispform.aspx%3FList%3D1c8785d3-62e5-46e7-b67f-498c8b0e9904%26View%3Db950df70-0f0b-407d-ab81-7dc000b50102%26ID%3D84.

Nguyễn Duy Thắng. (2023). *Pháp điển và những lợi ích đối với hệ thống pháp luật Việt Nam*. <https://phapdien.moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=7>.

Nguyễn Hoài Anh. (2021). Bàn về hoạt động pháp điển hoá hệ thống quy phạm pháp luật ở Việt Nam. *Tạp chí Tài chính* kỳ 2 tháng 6. <https://tapchitaichinh.vn/ban-ve-hoat-dong-phap-dien-hoa-he-thong-quy-pham-phap-luat-o-viet-nam.html>

Phan Huy Chú. (1961). *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập III. Nxb. Sử học.

Phan Ngọc Huyền. (2017). *So sánh quy định về hình thức xử phạt hành vi tham nhũng trong Quốc triều hình luật và Đại Minh luật*. Journal of science of hnu DOI: 10.18173/2354-1067.2017-0016 Social Sci. 2017. Vol. 62. No. 2.

Phí Thị Thanh Tuyền. (2015). Nâng cao hiệu quả hoạt động pháp điển hóa ở Việt Nam. <http://www.lapthap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=208389>

Quốc triều hình luật. (1995). Nxb. Chính trị quốc gia.

Trần Ngọc Đường. (2017). Quốc triều hình luật - bộ Tổng luật điều chỉnh hầu hết các quan hệ xã hội. <https://baophapluat.vn/quoc-trieu-hinh-luat-bo-tong-luat-dieu-chinh-hau-het-cac-quan-he-xa-hoi-post240194.html>

Viện Sử học. (2009). *Cổ luật Việt Nam: Quốc triều hình luật và Hoàng Việt luật lệ*. Nxb. Giáo dục.